

CÁC GÓC ĐỘ NHÌN NHẬN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC

DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG

*Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên
Thành viên Mạng lưới SURDM*

TÓM TẮT

Trước khi loài người bước vào giai đoạn bùng nổ dân số, quan hệ giữa con người và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên không trở thành vấn đề gay gắt như ngày nay. Đến thế kỷ XVIII, cuộc cách mạng công nghiệp với sự xuất hiện của máy móc, ưu thế của tài nguyên và kỹ thuật nổi lên. Quá trình này diễn ra mạnh mẽ cho đến nay và kết quả là một khối lượng tài nguyên có nguy cơ cạn kiệt và môi trường bị ô nhiễm.

Khái niệm “Phát triển bền vững” xuất hiện trong phong trào bảo vệ môi trường từ những năm đầu thập niên 70 của thế kỷ XX. Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển tổ chức ở RiodeJaneiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững tổ chức ở Johannesburr (Cộng hòa Nam Phi) năm 2002 đã xác định, phát triển bền vững có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: *phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.*

Có thể tiếp cận vấn đề phát triển bền vững dưới nhiều góc độ như “kinh tế tài nguyên và môi trường” để thấy được tác động của kinh tế lên môi trường, “kinh tế vùng chậm phát triển” với mục đích khắc phục khó khăn, trở ngại trước mắt và giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển, “Quan điểm nền kinh tế tri thức” với mục tiêu nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố thành phát triển bền vững...

Nghiên cứu vấn đề phát triển bền vững trong mối quan hệ với cộng đồng các dân tộc sẽ có một cách nhìn sâu sắc hơn về những ứng xử với thiên nhiên, cách thức khai thác bảo vệ tài nguyên – môi trường của từng dân tộc. Từ đó đưa ra những giải pháp phát triển phù hợp với từng vùng, từng miền và từng dân tộc khác nhau.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

Con người phải khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên để mà sống, mối quan hệ

sống còn này giữa con người và thiên nhiên đã hình thành ngay từ lúc con người xuất hiện trên Trái đất. Ở thời nguyên thủy, khi một người có thể thả sức hái lượm, săn bắt trên một vùng đất đai rộng lớn vài ba nghìn hecta, và nhu cầu của cuộc sống còn đơn giản, thì việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa thành vấn đề. Sang đến thế kỷ XX, khi dân số tăng lên một cách nhanh chóng, nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên ngày càng tăng, thì con người đã bắt đầu nhận thức được về mối nguy cơ cạn kiệt tài nguyên. Trong khi con người nhạy cảm trước hết đối với vấn đề tài nguyên, thì tiếp theo đó cũng phải nhạy cảm đối với môi trường sống của mình, khi các chất thải do những hoạt động của chính mình gây ra ngày càng ô nhiễm và làm suy giảm chất lượng môi trường sống.

Vì những lý do trên, khái niệm "*phát triển lâu bền*" hay "*phát triển bền vững*" đã được nảy sinh trước tiên từ mối lo lắng về sinh thái (sustainable – tiếng Anh hoặc durable – tiếng Pháp, có nghĩa là có thể giữ duy trì được lâu dài).

Lần đầu tiên, vào 1980, Hiệp hội Thế giới về Bảo tồn Thiên nhiên (IUCN) đã đưa ra "chiến lược bảo tồn thế giới" (The World Conservation Strategy), trong đó nhận định rằng, tình hình sử dụng các tài nguyên tái tạo là không lâu bền và đã đề xuất "việc sử dụng lâu bền các loài và hệ sinh thái", tức là sử dụng ở mức thấp hơn khả năng mà các quần thể động, thực vật có thể sinh sản để tự duy trì.

Tất cả những khái niệm và ý tưởng đó đã được phát triển đi đến định nghĩa của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Môi trường và Phát triển "*phát triển bền vững là những thế hệ hiện tại cần đáp ứng nhu cầu của mình, sao cho không phương hại đến khả năng của các thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của họ*".

Ở Việt Nam, trong Kế hoạch Quốc gia về Môi trường và Phát triển Bền vững (12/6/1991) đã đề ra hai mục tiêu lớn nhằm thỏa mãn những nhu cầu cơ bản về vật chất, tinh thần và văn hóa cho các thế hệ hiện tại và tương lai thông qua việc quản lý một cách khôn ngoan môi trường và TNTN, xây dựng và thực hiện các chính sách, kế hoạch hành động và cơ chế tổ chức nhằm đảm bảo khả năng sử dụng lâu bền các nguồn TNTN được cập nhật hóa và liên kết chặt chẽ tất cả các khía cạnh của quá trình phát triển của đất nước.

Trong văn kiện Đại hội Đảng IX của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh việc phát triển kinh tế-xã hội phải gắn chặt chẽ với bảo vệ và cải thiện môi trường, đảm bảo hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường tự nhiên, bảo vệ và cải tạo môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội. Kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội, phải coi yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý TNTN là một tiêu chí quan trọng để đánh giá các giải pháp phát triển.

CÁC GÓC ĐỘ NHÌN NHẬN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kinh tế tài nguyên và môi trường

Năm 1993, cuộc Hội thảo về vấn đề "*phát triển và môi trường*" do Trung tâm Nghiên cứu Môi trường của Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế phối hợp với Hiệp hội Kinh tế Malaixia và Quỹ Konrad Adenauer tổ chức với sự tham gia của nhiều nhà khoa học liên quan đến vấn đề môi trường và các nhà kinh tế. Những vấn đề cơ bản được thảo luận tại hội thảo là nhằm đi đến thống nhất một quan niệm chung về "*phát triển và môi trường*". Trong đó, đặc biệt chú ý ở các khía cạnh: kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Trong báo cáo của ông Martin Knor đã nêu rằng: để hiểu tác động của kinh tế lên môi trường, cần phải xem xét một cách chặt chẽ hiệu quả của một số nhân tố kinh tế (chẳng hạn chính sách kinh tế vĩ mô, mô hình đầu tư, những cách thức sản xuất và công nghệ được sử dụng, thương mại và tài chính) và những khu vực kinh tế đa dạng (nông nghiệp xây dựng, du lịch, chế tạo...). Ông nhận định rằng, dĩ nhiên không phải mọi ngành kinh tế, mọi thứ thương mại đều có hại đến môi trường. Nhưng các ngành kinh tế và thương mại là công cụ quan trọng để chuyển tải những công nghệ và sản phẩm không lành mạnh về mặt môi trường cũng như tiếp tục tạo ra nhu cầu khai thác nhanh chóng những nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hơn nữa với đà phát triển công nghiệp và kinh tế tương đối nhanh và còn muốn nhanh hơn nữa, thì liệu nguồn tài nguyên thiên nhiên đã nắm được, còn có thể đảm bảo trong bao lâu? Điều này cho thấy, đối với mỗi một quốc gia nói riêng và cả thế giới nói chung, muốn phát triển lành mạnh và bền vững đòi hỏi sử dụng các nguồn tài nguyên phải có hiệu quả hơn, đồng thời ý thức trách nhiệm thực sự trước tác động kinh tế và môi trường của việc sử dụng đó. Những giá trị kinh tế hiện thực hơn phải được đặt cơ sở trên môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Trong tác phẩm "*Một số vấn đề cơ bản về kinh tế và quản lý môi trường*", Giáo sư Đặng Như Toàn đã chỉ ra khái niệm "*Kinh tế tài nguyên và môi trường*" nghiên cứu các vấn đề môi trường với những viễn cảnh và những ý tưởng phân tích kinh tế từ hai phía kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô, trong đó tập trung chủ yếu vào vấn đề người ra quyết định nhằm đưa các tác động môi trường vào thể cân bằng hơn, ổn định hơn, nói cách khác là bền vững hơn với những mong muốn và nhu cầu của chúng ta và của bản thân hệ sinh thái. Vấn đề là tạo ra các "*khuyến khích*", các cơ chế và đòn bẩy tác động đồng bộ vào môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Kinh tế vĩ mô cũng liên quan chặt chẽ tới môi trường, đặc biệt công cụ phân tích chi phí-hiệu quả, lợi ích-chi phí nhằm tạo ra sự cân bằng tăng trưởng kinh tế làm môi trường tốt lên hay xấu đi, nhưng mục đích làm tốt hơn mới là mục tiêu quan trọng và nếu xấu đi thì phải dự báo phòng ngừa.

Từ những nhận định và quan niệm nói trên, suy ra phát triển bền vững phụ thuộc chủ yếu là các hoạt động kinh tế. Trong hoạt động kinh tế, thì tài nguyên có tầm quan trọng hàng đầu, vì ngay trong xã hội thông tin, tài nguyên tái tạo và không tái tạo được vẫn là tiền đề vật chất quan trọng nhất nhằm tạo ra các hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho sự sống con người và xã hội. Gần đây, người ta còn nhìn nhận tầm quan trọng của tính đa dạng sinh học cũng là một dạng tài nguyên mà các hoạt động kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô có tác động trực tiếp. Sự cân bằng của hệ thống tự nhiên-xã hội-kinh tế thể hiện chủ yếu trong một hệ thống có cấu trúc tương ứng, trước hết là cơ cấu kinh tế. Các yếu tố tài nguyên, nguồn lao động và cơ sở hạ tầng vận động trong một hệ thống vừa lấy từ môi trường đầu vào, và thải ra- đầu ra như là quá trình đồng hóa và dị hóa trong cơ thể sống. Cơ thể này sẽ vận động bền vững nếu các quá trình cân bằng và vận động thuận, và sẽ bị phá vỡ nếu mất cân đối và vận động ngược, trong trường hợp cân bằng của tự nhiên và môi trường bị phá vỡ thì có thể chính những vấn đề môi trường sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến những mục tiêu của sự phát triển. Nếu lợi nhuận từ việc tăng thu nhập lại bị giảm sút do những phí tổn cho sức khỏe và cho chất lượng đời sống để chống lại ô nhiễm môi trường hoặc giảm sút năng suất lao động, thì tình trạng đó cũng không thể coi như một mô hình phát triển tốt đẹp.

Chính từ những lý do nói trên mà phát triển bền vững đòi hỏi phải nghiên cứu và đưa ra cơ cấu kinh tế hợp lý cả về cơ cấu kinh tế kỹ thuật (ngành) và cơ cấu không gian (lãnh thổ). Đồng thời mọi quốc gia đều phải tìm cách đưa vấn đề môi trường và phát triển lên cấp độ chính sách, kế hoạch và quản lý.

Điều mà chúng ta phải đối mặt là sự khó khăn và kém phát triển của môi trường đầu vào: khó khăn của tự nhiên xã hội và kinh tế, thì cơ cấu đó phải được tính toán như thế nào để thích ứng tích cực, vừa nhằm mục đích tăng trưởng kinh tế, vừa không xâm hại đến môi trường.

Kinh tế vùng chậm phát triển

Khái niệm vùng "*chậm phát triển*" đã sớm được các nhà khoa học, trong đó có rất nhiều nhà địa lý của các nước trên thế giới quan tâm. Ngay từ năm 1965, nhà địa lý Pháp Yves Lacoste đã đưa ra 14 đặc điểm của các nước kém phát triển như: ăn uống thiếu chất, dân số tăng nhanh, tài nguyên bị bỏ qua hoặc lãng phí hơn, tỷ lệ nông dân cao mà năng suất lao động lại thấp, tầng trung lưu yếu, công nghiệp hóa bị hạn chế và không hoàn chỉnh, thu nhập quốc dân đầu người thấp, mức độ thất nghiệp và tỷ lệ lao động không hết thời gian đều cao nhưng người lớn trẻ em đều phải lao động, tình hình phụ thuộc kinh tế và bất bình đẳng xã hội rất nghiêm trọng.

Đến giữa những năm 1970, nhà địa lý Mỹ Peter Haggett cũng đưa ra 12 chỉ tiêu tổng

hợp theo 4 yếu tố trọng yếu: dân cư, tài nguyên, sự hình thành vốn, sự ứng dụng tiến bộ công nghệ. Là nước kém phát triển nếu các chỉ tiêu thuộc 4 yếu tố đó theo hướng mũi tên ly tâm tức là không thuận. Ngược lại, là nước phát triển nếu các chỉ tiêu theo 4 yếu tố theo hướng quy thuận (hướng tâm).

Như vậy, chậm phát triển đồng nghĩa với khó khăn do vị trí địa lý bất thuận, tài nguyên nghèo, lao động thiếu hoặc kém kỹ thuật, trình độ và tiềm lực yếu ớt.

Phát triển và chậm phát triển là hai mặt của vấn đề đặc trưng của sự phân hóa, vùng thuận lợi như đồng bằng ven biển, gần các đường giao thông, còn vùng bất lợi là vùng khó khăn ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Ở những vùng chậm phát triển có khi giàu tài nguyên mà lại kém phát triển kinh tế, thu nhập dân cư thấp. Do vậy xuất hiện hai khả năng: dòng chảy tài nguyên từ vùng chậm phát triển sang vùng phát triển, hoặc vùng chậm phát triển có thể bị đóng kín và lãng quên.

Trên thực tế, sự chậm phát triển, sự nghèo đói và trì trệ về kinh tế được coi như kẻ thù của môi trường và cuộc sống lành mạnh. Các vùng nghèo, chậm phát triển thường là xa xôi, hẻo lánh, gặp nhiều khó khăn trở ngại trong quá trình phát triển. Theo A.T. Rambo (1997), các nguyên nhân gây trở ngại cho phát triển kinh tế-xã hội của khu vực miền núi, vùng cao chậm phát triển được chia thành 7 nhóm: (1) các trở ngại về mặt tự nhiên, (2) các khó khăn về môi trường, (3) các trở ngại về cơ sở hạ tầng, (4) các khó khăn về kinh tế, (5) áp lực dân số, (6) trở ngại về văn hóa, và (7) các trở ngại về trí tuệ.

Do vậy, mục đích phát triển bền vững của xã hội là khắc phục những khó khăn, trở ngại trước mắt, giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống dân cư, dần dần xóa bỏ tình trạng thiếu ăn, thất học, bệnh tật, nhà ở tạm bợ, cơ sở hạ tầng lạc hậu và thiếu thốn ở những vùng chậm phát triển, từ đó giải quyết triệt để các vấn đề môi trường.

Nói tóm lại, khắc phục tình trạng chậm phát triển là một thách thức lớn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của nhiều khu vực, nhiều quốc gia. Giải quyết được vấn đề này sẽ đảm bảo được mục tiêu chung là phát triển bền vững.

Quan điểm của nền kinh tế tri thức (KTTT)

Khái niệm về kinh tế tri thức xuất hiện trong thời kỳ gần đây, đó là nền kinh tế được dẫn dắt bằng tri thức, dựa vào tri thức. Trong tài liệu *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa (2001)*, GS.TS. Phạm Minh Hạc có viết: Đó là nền kinh tế dựa vào công nghệ cao: "*Các ngành sản xuất và dịch vụ mới do công nghệ cao tạo ra như các dịch vụ khoa học công nghệ, các dịch vụ tin học, các ngành công nghệ cao... được gọi là ngành KTTT. Các ngành truyền thống như công nghiệp, nông nghiệp, nếu được*

cải tạo bằng công nghệ cao, mà giá trị do tri thức mới, công nghệ mới đem lại chiếm trên 2/3 tổng giá trị thì những ngành ấy cũng là ngành kinh tế tri thức".

Như vậy, KTTT là biểu hiện tập trung nổi bật của xã hội trí tuệ. Trí tuệ trở thành nhân tố phát triển. Hơn bao giờ hết phát triển bền vững trong thời đại hiện nay chúng ta phải xem xét từ góc độ KTTT. Để giải quyết bài toán bền vững có thể tiếp cận một cách khôn ngoan bằng việc nhận thức lại nhiều vấn đề, trước hết là đánh giá tài nguyên: chất lượng, trữ lượng và cách thức khai thác, xét cho cùng là công nghệ khai thác sao cho yếu tố chất xám: công nghệ phần mềm, công nghệ thông tin, vật liệu mới chiếm ưu thế, giảm thiểu các yếu tố vật thể, tăng cường các yếu tố phi vật thể.

Ở đây, vấn đề đặt ra là tri thức phải thành kỹ năng, tri thức phải thành trí lực, do vậy phát triển bền vững muốn đạt được mục đích cuối cùng thì phải tác động trực tiếp vào các nhân tố tri thức. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề giải quyết trong ngày một, ngày hai.

Chiến lược của Đại hội IX Đảng CSVN là nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển kinh tế-xã hội, từng bước phát triển KTTT ở nước ta. Suy ra, cần nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố hợp thành phát triển bền vững: nhân tố môi trường, nhân tố kinh tế và nhân tố xã hội mà trước hết là nhân tố con người. Chúng ta hy vọng ở nước ta nói chung và các vùng kém phát triển nói riêng, vấn đề tạo lập môi trường KTTT đòi hỏi phải có chiến lược đón đầu và vượt trước bằng sự phát huy nội lực và sự can thiệp của các nhân tố bên ngoài.

MỐI QUAN HỆ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Khái niệm cộng đồng các dân tộc là một khái niệm phát sinh do kết hợp hơn một đến nhiều dân tộc trên một không gian lãnh thổ nhất định. Các điều kiện tự nhiên tài nguyên thiên nhiên và trạng thái môi trường là cơ sở vật chất khách quan tác động tới các dân tộc sinh tụ và phát triển trong môi trường tự nhiên đó. Khi nói tới các dân tộc người ta hàm ý nhiều dân tộc. Mỗi dân tộc, tùy theo trình độ phát triển, tập quán sản xuất và văn hóa mà tác động khác nhau tới môi trường và cũng sử dụng tài nguyên theo cách riêng của mình.

Một dân tộc phát triển thường sử dụng tài nguyên theo chiều sâu, biết khai thác tiết kiệm và có ý thức phát triển bền vững. Nhưng với một dân tộc chậm phát triển thì thường khai thác tài nguyên theo chiều rộng, theo lối quảng canh, du canh du cư. Thực ra, những dân tộc thiểu số chậm phát triển không phải là họ có ý thức phát triển bền vững thấp kém, mà do cuộc sống của những dân tộc này quá khó khăn, lại có ít nguồn trợ cấp. Chính vì thế mà cuộc sống của họ phụ thuộc chủ yếu vào tự nhiên. Vai trò của pháp luật trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đối với cộng đồng các dân tộc có hiệu lực hay không

là tùy thuộc vào sự tự giác chấp hành của các dân tộc và trình độ tiếp thu pháp luật, và điều rất quan trọng là điều kiện sống của các dân tộc này.

Vấn đề nói trên trở nên đặc biệt phức tạp và tế nhị khi có nhiều dân tộc cư trú xen kẽ trên một địa bàn lãnh thổ. Chẳng hạn, trong một đơn vị hành chính cơ sở như huyện, xã đôi khi là cả xóm bản, các dân tộc sinh sống bằng cùng một cách thức tác động tới tài nguyên và môi trường như nghề trồng lúa, trồng rừng, phát triển chăn nuôi, thì các dân tộc này dễ dàng hòa nhập thành một cộng đồng thống nhất. Nhưng, một khi các dân tộc cư trú tương đối biệt lập, theo chiều cao hoặc theo đầu nguồn, giữa hoặc cuối dòng nước thì vấn đề lại khác. Họ phải dựa vào nhau trên nguyên tắc sinh thái và môi trường. Dân tộc này khai thác tài nguyên cho cuộc sống của mình, lại phải chú ý xem tài nguyên đó bị khai thác tới mức nào thì không ảnh hưởng xấu tới các cộng đồng dân tộc khác và ngược lại cộng đồng sống trong điều kiện thuận lợi thì phải có trách nhiệm với cộng đồng có điều kiện sống kém thuận lợi hơn.

Những vấn đề nêu trên chỉ là nguyên tắc chung để xem xét mối quan hệ cộng đồng dân tộc và việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Trên thực tế, khi đặt vấn đề đó trong bối cảnh tự nhiên và xã hội nhất định thì cách giải quyết lại tùy thuộc vào hoàn cảnh địa lý và lịch sử nhất định. Nếu trước đây, nguy cơ chất lượng môi trường bị suy giảm chưa rõ rệt, thì cộng đồng các dân tộc ứng xử với tự nhiên theo truyền thống và tập quán cũng như nhu cầu của mình. Ngày nay sự cấp bách phải bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững, thì cộng đồng các dân tộc không thể biệt lập như trước, trái lại phải hành động trong một khổ nhất định, trước hết là do pháp luật quy định, đồng thời phải vì sự tồn tại và phát triển của mỗi dân tộc trong cộng đồng đó mà ứng xử hợp lý.

Xét về bản chất, phát triển bền vững là một quá trình của sự thay đổi trong đó việc khai thác các tài nguyên, quản lý đầu tư vốn, hướng phát triển công nghệ, sự thay đổi thể chế đều có sự hài hòa toàn bộ và nâng cao cả tiềm năng hiện tại và tương lai nhằm thỏa mãn các nhu cầu và khát vọng của con người, đó cũng chính là mục tiêu chủ yếu của sự phát triển. Song để đảm bảo được tính bền vững ở tất cả các phương diện: tài nguyên môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội thì đối với một cộng đồng dân tộc lại có sự khác nhau.

Thường thì ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, có nhiều dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc có nguồn gốc khác nhau, một số dân tộc có nguồn gốc bản địa, một số dân tộc có nguồn gốc di cư từ nơi khác đến vào những thời điểm khác nhau, do vậy xuất phát điểm và sự phát triển của từng dân tộc rất khác nhau.

Trong tổng số 54 dân tộc ở Việt Nam, có 52 dân tộc thiểu số sống chủ yếu ở khu vực miền núi, vùng cao. Họ sinh sống và cư trú ở những vùng, những độ cao khác nhau theo sắc

tộc, dòng họ, cộng đồng... và đã tạo nên những tập quán truyền thống phong phú về sản xuất, đời sống, mang đậm bản sắc tộc người. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, cộng đồng các dân tộc thiểu số đang trong tình trạng khó khăn và chậm phát triển. Nền kinh tế còn phụ thuộc quá nhiều vào tự nhiên, chưa thoát khỏi tự cung tự cấp. Tỷ lệ người mù chữ cao và tình trạng bỏ học còn nhiều, cơ sở hạ tầng thấp kém... Cùng với những phong tục tập quán sản xuất lạc hậu, dân số tăng nhanh khiến cho đồng bào các dân tộc khó thoát khỏi vòng luẩn quẩn của sự suy thoái.

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số thì mong muốn đầu tiên là đủ ăn, đủ lương thực để sinh sống. Song một vấn đề đặt ra ở khu vực miền núi, dân tộc đó là an ninh lương thực mâu thuẫn với sự phát triển bền vững. Đồng bào các dân tộc để sản xuất đủ lương thực và có thu nhập đáp ứng các nhu cầu, khi dân số tăng nhanh, việc phá rừng mở rộng diện tích nương du canh là không tránh khỏi. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu gây xói mòn và suy thoái đất. Như vậy một loạt các thách thức đang tồn tại cho sự phát triển bền vững của khu vực miền núi, vùng cao nơi cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, cũng không nên nhìn nhận vấn đề một cách bi quan. Mỗi một cộng đồng dân tộc khác nhau đã thích nghi với các đặc điểm tự nhiên và xã hội khác nhau, từ đó dẫn tới nhiều loại hình sử dụng tài nguyên và phương thức canh tác khác nhau. Đồng thời, trong quá trình sống và sản xuất, họ đã tích lũy được một khối lượng lớn những kiến thức về môi trường nơi họ ở, và về các cách khác nhau để quản lý tài nguyên trong một môi trường chung đầy khó khăn. Sức ép dân số ngày một gia tăng, tài nguyên thiên nhiên ngày một cạn kiệt, đã buộc con người phải có những cách ứng xử mới với thiên nhiên. Đồng thời phải biết bảo lưu những giá trị văn hóa, những kinh nghiệm cổ truyền. Đây cũng là những yếu tố có vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển bền vững.

Thời đại đất nước đi vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa chúng ta có điều kiện để hỗ trợ cho cộng đồng các dân tộc giải quyết tốt mối quan hệ của họ đối với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững. Trước hết, đó là việc sử dụng tài nguyên có hiệu quả hơn trong việc nâng cao chất lượng sống của cộng đồng, đồng thời sử dụng mà không làm cạn kiệt, vì tài nguyên được sử dụng tiết kiệm và được khôi phục thì môi trường mới phát triển bền vững. Do vậy, các quan hệ giữa cộng đồng các dân tộc phải được tính tới trong các chính sách kinh tế, các dự án, các chương trình phát triển, đặc biệt là chính sách và dự án liên quan trực tiếp tới tài nguyên và môi trường sống của cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý An, 1998. Khái niệm về phát triển lâu bền và một vài phương pháp đánh giá tính lâu bền trong phát triển bền vững, Chương trình KHCN – 07.

2. Lê Trọng Cúc và Terry Rambo, 1999. Những khó khăn trong công cuộc phát triển miền núi Việt Nam. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Vũ Cương và nnk (dịch), 2003. Phát triển bền vững trong một thế giới năng động: thay đổi thể chế tăng trưởng và chất lượng cuộc sống. NXBCTQG, Hà Nội.
4. Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam), 2004. Hà Nội.
5. Lưu Đức Hải và Nguyễn Ngọc Sinh, 2001. Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững. NXB ĐHQG HN.
6. Dương Quỳnh Phương, 1998. Cộng đồng các dân tộc với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Luận văn thạc sĩ, ĐHSP Hà Nội.
7. Đặng Như Toàn, 1996. Kinh tế môi trường. NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Đặng Nghiêm Vạn, 1993. Quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc. NXBCTQG Hà nội.
9. Vũ Như Vân, Dương Quỳnh Phương và nnk, 2001. Giải pháp phát triển bền vững trong điều kiện khó khăn của môi trường địa lý vùng cao biên giới qua thực tế cao nguyên Đông Văn - Lũng Cú, Hà Giang. Đề tài NCKH cấp Bộ.

SUSTAINABLE DEVELOPMENT AND ITS RELATIONSHIP WITH ETHNIC COMMUNITIES

DUONG QUYNH PHUONG

*Geological Faculty, Thai Nguyen Pedagogy University
SURDM Network member*

Since the explosion of human population growth, the relationship between human and their utilization of natural resources has become more serious than ever. In the eighteenth century of industrial revolution with the existence of machines the comparative advantages of natural resources and technologies emerged. Until now, this process has strongly developed, resulting in degradation of natural resources and environmental pollution.

“Sustainable development “concept was originated from environmental movements as early as of the 1970s. The Rio - 1992 Earth Summit on the Environment and Development and the Johannesburg - 2002 World Summit on Sustainable Development together indicate that sustainable development is a balance of three pillars of economic and social development, and environmental protection.

Approaches to sustainable development can be employed in various ways, such as “Resources Economics and environment” in order to address the economic impact on the environment, “Economics of under-developed areas” to overcome short-term difficulties and narrow the gaps in development, and “The view point of knowledge-based economy” to enhance the knowledge base in different components of sustainable development.

Examining issues of sustainable development in relation to ethnic communities provides us insights into these communities’ behaviors toward the nature as well as their exploitation of natural resources and environmental protection patterns. Based on that, solutions which are appropriate for each region, area and community could be worked out.